



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Gia Lai, ngày 16 tháng 08 năm 2021

Số: 04/2021/CBTT/GLW

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

V/v Giải trình kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng năm 2021 như sau:

Đơn vị công bố thông tin: Công ty cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai

Địa chỉ trụ sở: 388 Lý Thái Tổ - P. Yên Đỗ – TP PleiKu - Tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (0269) 3824 094

Fax: (0269) 3714 288

Mã chứng khoán: GLW

**Công ty cổ phần cấp thoát nước Gia Lai giải trình kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 như sau:**

Số TT	CHỈ TIÊU	6 tháng năm 2021	6 tháng năm 2020	Tăng/giảm (%)
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.907.274.380	29.190.907.238	-5%
2	Giá vốn hàng bán	21.562.437.439	21.999.686.060	-2%
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp & chi phí bán hàng	4.566.769.480	5.223.452.168	-14%
4	Thu nhập khác	1.071.359.012	2.034.395.501	-90%
5	Chi phí khác	1.628.565	2.000.000	-23%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	557.724.595	733.657.381	-32%
7	Lợi nhuận trước thuế TNDN	3.402.295.032	4.729.644.805	-39%
8	Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.678.881.667	3.762.038.440	-40%

**Lợi nhuận sau thuế TNDN giảm 40% so với cùng kỳ năm 2020 do các nguyên nhân sau:**

- **Doanh thu từ hoạt động lắp đặt giảm:** Năm 2020, Công ty thực hiện các dự án đầu tư mở rộng mạng cấp nước tại TP.Pleiku, lượng khách hàng đầu nối mới tăng đột biến. Do đó, doanh thu lắp đặt Q2/2021 thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.
- **Thu nhập khác giảm:** khoản thu nhập khác của Công ty trong năm 2020 chủ yếu là khoản hỗ trợ Ngân sách của TP. Pleiku cho hạng mục cải tạo, di dời hệ thống cấp nước cũ thuộc công trình Chinh trang đô thị của Thành phố. Khoản thu nhập trên tại thời điểm 6 tháng năm 2021 giảm 90% so với cùng kỳ năm 2020.

Trên đây là các nguyên nhân chính làm lợi nhuận 6 tháng năm 2021 giảm 40% so với cùng kỳ năm 2020. Chúng tôi cam kết giải trình trên đây là đúng với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trân trọng báo cáo!

Nơi gửi:

- Như trên;
- Lưu thư ký HĐQT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN VĂN THÀNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC GIA LAI**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 25

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Ngọc Tiến	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Vinh	Thành viên
Ông Châu Ngọc Trọng	Thành viên
Ông Lê Văn Nam	Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban
Ông Lê Huy Hoàng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Quỳnh	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Xuân Hào	Phó Tổng Giám đốc

#### **Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Thành - Tổng Giám đốc Công ty.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC** (tiếp theo)

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC** (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



---

**Nguyễn Văn Thành**  
Tổng Giám đốc

Gia Lai, ngày 10 tháng 8 năm 2021

Số: 1305/2021/BCSX-ICPA.SG

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2021, từ trang 4 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



  
Lương Giang Thạch  
Phó Giám đốc Chi nhánh  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2178-2018-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>30.329.961.665</b>	<b>24.551.121.354</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>4.614.787.168</b>	<b>8.672.720.176</b>
1. Tiền	111		2.514.787.168	872.720.176
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.100.000.000	7.800.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>14.569.567.123</b>	<b>5.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	14.569.567.123	5.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.878.064.032</b>	<b>5.215.871.712</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	981.325.065	694.849.048
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		79.046.415	49.912.500
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	4.630.002.676	4.411.784.153
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	275.045.122	148.147.993
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(87.355.246)	(88.821.982)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>3.618.423.246</b>	<b>3.612.222.411</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	3.618.423.246	3.612.222.411
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.649.120.096</b>	<b>2.050.307.055</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.a	133.173.835	4.812.502
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.210.088.261	1.739.636.553
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13.a	305.858.000	305.858.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>169.199.596.916</b>	<b>173.698.212.370</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>160.514.478.274</b>	<b>162.687.327.752</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	159.362.435.251	161.437.006.349
- Nguyên giá	222		422.884.656.316	419.752.887.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(263.522.221.065)	(258.315.881.051)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.152.043.023	1.250.321.403
- Nguyên giá	228		1.572.454.091	1.572.454.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(420.411.068)	(322.132.688)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>454.343.636</b>	<b>1.248.310.988</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	454.343.636	1.248.310.988
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.230.775.006</b>	<b>9.762.573.630</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.b	5.220.503.599	6.741.601.845
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.7	3.010.271.407	3.020.971.785
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>199.529.558.581</b>	<b>198.249.333.724</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2021	01/01/2021
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>5.407.107.230</b>	<b>6.805.764.040</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.208.642.216</b>	<b>4.057.682.026</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	710.148.888	1.061.304.845
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.b	1.004.826.329	998.204.717
3. Phải trả người lao động	314		3.052.784	723.359.659
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		72.368.615	103.056.005
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	319.011.600	72.522.800
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15.a	1.099.234.000	1.099.234.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.198.465.014</b>	<b>2.748.082.014</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15.b	2.198.465.014	2.748.082.014
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>194.122.451.351</b>	<b>191.443.569.684</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>194.122.451.351</b>	<b>191.443.569.684</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		180.000.000.000	180.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.000.000.000	180.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.940.051.378	3.940.051.378
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.182.399.973	7.503.518.306
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lũ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		7.503.518.306	(1.704.257.732)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		2.678.881.667	9.207.776.038
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>199.529.558.581</b>	<b>198.249.333.724</b>



Trương Thị Thành  
Người lập biểu

Ngày 10 tháng 8 năm 2021



Vũ Hoàng Thiên  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

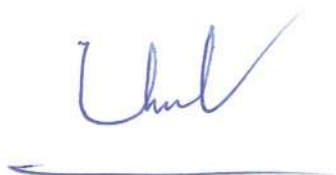
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.1</b>	<b>27.907.274.380</b>	<b>29.190.907.238</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>27.907.274.380</b>	<b>29.190.907.238</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	21.562.437.439	21.999.686.060
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>6.344.836.941</b>	<b>7.191.221.178</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	557.724.595	733.657.381
7. Chi phí tài chính	22		3.227.471	4.177.087
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	2.121.386.736	2.304.410.106
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2.445.382.744	2.919.042.062
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]</b>	<b>30</b>		<b>2.332.564.585</b>	<b>2.697.249.304</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.071.359.012	2.034.395.501
12. Chi phí khác	32		1.628.565	2.000.000
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>1.069.730.447</b>	<b>2.032.395.501</b>
<b>14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>3.402.295.032</b>	<b>4.729.644.805</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	723.413.365	967.606.365
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>2.678.881.667</b>	<b>3.762.038.440</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	149	209



**Trương Thị Thành**  
Người lập biểu

Ngày 10 tháng 8 năm 2021



**Vũ Hoàn Thiên**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Văn Thành**  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
		đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	3.402.295.032	4.729.644.805
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	02	5.304.618.394	4.925.483.474
Các khoản dự phòng	03	(1.466.736)	(8.348.241)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.404.159.140)	(2.508.750.181)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	7.301.287.550	7.138.029.857
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	440.040.519	(657.253.610)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	4.499.543	(164.215.390)
Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(504.939.923)	(106.834.529)
Giảm chi phí trả trước	12	1.392.736.913	1.329.605.439
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(779.174.474)	(184.124.302)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>7.854.450.128</b>	<b>7.355.207.465</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.626.140.342)	(11.914.751.383)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	616.332.386	5.690.889.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.569.567.123)	(9.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.000.000.000	11.700.051.301
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	216.608.943	443.327.816
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(11.362.766.136)</b>	<b>(3.080.483.175)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(549.617.000)	(549.617.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(549.617.000)</b>	<b>(549.617.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>	<b>(4.057.933.008)</b>	<b>3.725.107.290</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	8.672.720.176	575.892.969
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	4.614.787.168	4.301.000.259

  
Trương Thị Thành  
Người lập biểu

  
Vũ Hoành Thiên  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Văn Thành  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai (gọi tắt là "Công ty") là Công ty được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Gia Lai, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900189614 cấp lần đầu ngày 1 tháng 11 năm 2010 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai và giấy phép thay đổi lần thứ 6 ngày 23 tháng 5 năm 2019 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

Tên Công ty viết bằng tiếng Anh là: Gia Lai Water Supply Sewerage Joint Stock Company, tên viết tắt là: Gia Lai Water.

Văn phòng chính của công ty tọa lạc tại số 388 Lý Thái Tổ, phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 180.000.000.000 đồng, được chia thành 18.000.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng. Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn ("Công ty SII"). Công ty mẹ của cả tập đoàn là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty CII").

Công ty hiện đang đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là GLW.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 105 người (tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 là 112 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: sản xuất và kinh doanh nước sạch; thi công, lắp đặt đường ống cấp nước và cơ sở cấp nước; mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp nước; sản xuất và kinh doanh nước khoáng, nước đóng chai tinh khiết; bán buôn đồ uống không cồn, bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; giám sát các công trình cấp thoát nước; thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; khảo sát thiết kế mạng lưới và công trình đầu mối cấp thoát nước quy mô nhỏ.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là sản xuất và kinh doanh nước sạch; mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp nước.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ NĂM TÀI CHÍNH** (tiếp theo)**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 hàng năm.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm số tiền trả trước về bảo hiểm, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng và số lần sử dụng thực tế theo các quy định kế toán hiện hành.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao** (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	8 - 30
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 8

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của chương trình phần mềm, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Ghi nhận vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

**Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Thuế** (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	16.036.709	22.472.998
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.498.750.459	850.247.178
Các khoản tương đương tiền (i)	2.100.000.000	7.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.614.787.168</b>	<b>8.672.720.176</b>

(i) Số dư các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn một (1) tháng tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất 3,0%/năm.

**2. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	14.569.567.123	5.000.000.000

Đây là các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại bao gồm kỳ hạn sáu (6) tháng các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,1% đến 6,9%/năm.

**3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu tiền sử dụng nước sinh hoạt tại địa bàn thành phố Pleiku	359.197.085	325.146.097
Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng Thành phố Pleiku	528.398.000	287.244.000
Phải thu tiền sử dụng nước sinh hoạt tại địa bàn thị xã Ayunpa	74.284.605	70.500.576
Các đối tượng khác	19.445.375	11.958.375
<b>Cộng</b>	<b>981.325.065</b>	<b>694.849.048</b>

**4. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	4.630.002.676	4.411.784.153

Đây là khoản cho vay tín chấp có thời hạn 12 tháng và lãi suất 9,8%/năm, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản cho vay đến hạn vào ngày 24 tháng 6 năm 2022.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	250.586.122	127.688.993
Tạm ứng cho nhân viên	19.000.000	15.000.000
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	5.459.000	5.459.000
<b>Cộng</b>	<b>275.045.122</b>	<b>148.147.993</b>
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	7.458.743	8.291.736

**6. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	3.618.423.246	-	3.612.222.411	-

**7. THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	3.010.271.407	-	3.020.971.785	-

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	133.173.835	4.812.502
<b>b. Dài hạn</b>		
Chi phí thay đồng hồ nước cho khách hàng (i)	4.939.349.605	6.301.533.354
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	97.056.092	142.275.498
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	104.735.398	152.497.985
Chi phí trả trước dài hạn khác	79.362.504	145.295.008
	<b>5.220.503.599</b>	<b>6.741.601.845</b>
<b>Tổng cộng chi phí trả trước</b>	<b>5.353.677.434</b>	<b>6.746.414.347</b>

(i) Đây là chi phí thay thế đồng hồ đã hết hạn kiểm định và tuyển ống phân phối cũ để chống thất thoát và thất thu nước. Kế hoạch thay đồng hồ nước định kỳ đã được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 20 tháng 12 năm 2016 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 13 tháng 10 năm 2017. Chi phí thay thế được phân bổ 5 năm từ thời điểm nghiệm thu hoàn thành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2021	98.142.172.989	93.643.600.252	227.522.843.432	444.270.727	419.752.887.400
Mua trong kỳ	-	74.250.000	-	192.500.000	266.750.000
Xây dựng cơ bản hoàn thành	109.090.909	1.711.540.909	1.044.387.098	-	2.865.018.916
Tại ngày 30/06/2021	98.251.263.898	95.429.391.161	228.567.230.530	636.770.727	422.884.656.316
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LÚY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2021	61.682.956.343	69.350.000.314	126.956.136.237	326.788.157	258.315.881.051
Khấu hao trong kỳ	1.396.387.452	814.186.658	2.980.084.531	15.681.373	5.206.340.014
Tại ngày 30/06/2021	63.079.343.795	70.164.186.972	129.936.220.768	342.469.530	263.522.221.065
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2021	36.459.216.646	24.293.599.938	100.566.707.195	117.482.570	161.437.006.349
Tại ngày 30/06/2021	35.171.920.103	25.265.204.189	98.631.009.762	294.301.197	159.362.435.251

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 2.382.558.334 đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 là 2.281.853.142 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Chương trình phần mềm VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2021	<b>1.572.454.091</b>
Tại ngày 30/06/2021	<b>1.572.454.091</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2021	<b>322.132.688</b>
Khấu hao trong kỳ	98.278.380
Tại ngày 30/06/2021	<b>420.411.068</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 01/01/2021	<b>1.250.321.403</b>
Tại ngày 30/06/2021	<b>1.152.043.023</b>

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Di dời, cải tạo hệ thống cấp nước	454.343.636	1.201.975.909
Các dự án khác	-	46.335.079
<b>Cộng</b>	<b>454.343.636</b>	<b>1.248.310.988</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
<b>Bên liên quan</b>	-	-	<b>221.709.417</b>	<b>221.709.417</b>
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	-	-	221.709.417	221.709.417
<b>Các đối tượng khác</b>	<b>710.148.888</b>	<b>710.148.888</b>	<b>839.595.428</b>	<b>839.595.428</b>
Công ty TNHH MTV Nguyễn Hoàng Phúc	265.896.150	265.896.150	273.230.750	273.230.750
Công ty TNHH Ha Đạt	163.785.600	163.785.600	-	-
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Gia Lai	132.682.725	132.682.725	-	-
Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Gia Lai	-	-	132.816.000	132.816.000
Các đối tượng khác	147.784.413	147.784.413	433.548.678	433.548.678
<b>Cộng</b>	<b>710.148.888</b>	<b>710.148.888</b>	<b>1.061.304.845</b>	<b>1.061.304.845</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2021		Số đã nộp trong kỳ		Số có khả năng thanh toán	
	01/01/2021 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số có khả năng thanh toán VND	30/06/2021 VND	Số có khả năng thanh toán VND
<b>a. Phải thu</b>						
Thuế giá trị gia tăng vắng lại	305.858.000	-	-	-	305.858.000	-
<b>b. Phải nộp</b>						
Thuế thu nhập doanh nghiệp	572.124.110	723.413.365	779.174.474	516.363.001		
Thuế thu nhập cá nhân	36.969.960	15.365.192	36.969.960	15.365.192		
Thuế tài nguyên	13.428.129	101.605.573	94.736.311	20.297.391		
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	4.562.990	4.562.990	-		
Phí bảo vệ môi trường	329.096.290	2.226.514.616	2.161.873.113	393.737.793		
Phí dịch vụ môi trường rừng	46.586.228	109.492.581	97.015.857	59.062.952		
Các khoản khác	-	69.700.000	69.700.000	-		
<b>Cộng</b>	<b>998.204.717</b>	<b>3.250.654.317</b>	<b>3.244.032.705</b>	<b>1.004.826.329</b>		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**14. PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	161.290.400	
Kinh phí công đoàn	76.669.600	59.575.200
Bảo hiểm y tế	28.458.600	
Bảo hiểm thất nghiệp	12.631.600	
Nhận ký quỹ, ký cược ngân hạn	21.000.000	-
Các khoản khác	18.961.400	12.947.600
<b>Cộng</b>	<b>319.011.600</b>	<b>72.522.800</b>

**15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	30/06/2021		Phát sinh trong kỳ		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>						
Vay dài hạn đến hạn trả	1.099.234.000	1.099.234.000	-	-	1.099.234.000	1.099.234.000
<b>b. Dài hạn</b>						
Ngân hàng Phát triển Châu Á (i)	3.297.699.014	3.297.699.014	-	549.617.000	3.847.316.014	3.847.316.014
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(1.099.234.000)	(1.099.234.000)	-	-	(1.099.234.000)	(1.099.234.000)
	<b>2.198.465.014</b>	<b>2.198.465.014</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.748.082.014</b>	<b>2.748.082.014</b>
<b>Tổng cộng khoản vay</b>	<b>3.297.699.014</b>	<b>3.297.699.014</b>	<b>-</b>	<b>549.617.000</b>	<b>3.847.316.014</b>	<b>3.847.316.014</b>

(i) Đây là số dư nợ vay theo Hiệp định vay giữa Bộ Tài chính và Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai về việc sử dụng khoản vay số 1361 VIE (SF) của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) để thực hiện Dự án nâng cấp và cải tạo hệ thống cấp nước và vệ sinh các thành phố, thị xã kỳ ngày 15 tháng 9 năm 1995 và các phụ lục bổ sung, tổng giá trị khoản vay là 16.488.497.014 đồng, lãi suất cho vay 0%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.099.234.000	1.099.234.000
Trong năm thứ hai	1.099.234.000	1.099.234.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.099.231.014	1.648.848.014
	<b>3.297.699.014</b>	<b>3.847.316.014</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(1.099.234.000)	(1.099.234.000)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>2.198.465.014</b>	<b>2.748.082.014</b>

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế)	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>	<b>180.000.000.000</b>	<b>3.940.051.378</b>	<b>(1.704.257.732)</b>	<b>182.235.793.646</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	3.762.038.440	3.762.038.440
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>180.000.000.000</b>	<b>3.940.051.378</b>	<b>2.057.780.708</b>	<b>185.997.832.086</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	5.445.737.598	5.445.737.598
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>	<b>180.000.000.000</b>	<b>3.940.051.378</b>	<b>7.503.518.306</b>	<b>191.443.569.684</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	2.678.881.667	2.678.881.667
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>180.000.000.000</b>	<b>3.940.051.378</b>	<b>10.182.399.973</b>	<b>194.122.451.351</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)**Chi tiết vốn chủ sở hữu**

<b>Tên cổ đông</b>	<b>30/06/2021</b>		<b>01/01/2021</b>	
	<b>Tỷ lệ (%)</b>	<b>Giá trị VND</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>	<b>Giá trị VND</b>
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	51,00%	91.800.000.000	51,00%	91.800.000.000
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà Nước	46,78%	84.209.000.000	46,78%	84.209.000.000
Các cổ đông khác	2,22%	3.991.000.000	2,22%	3.991.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>180.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>180.000.000.000</b>

Tính đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2021, Công ty vẫn chưa tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 do diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19. Ngoài ra, Công ty chưa đủ các điều kiện pháp lý và công nghệ thông tin để tổ chức họp theo phương thức trực tuyến. Do đó, ngày 25 tháng 6 năm 2021 Công ty đã gửi công văn đến Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội để giải trình về sự chậm trễ này và thông báo dời thời gian tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 sang ngày 27 tháng 8 năm 2021. Vì vậy, đến ngày 30 tháng 6 năm 2021 Công ty chưa thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2020.

**Cổ phiếu**

	<b>30/06/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.000.000	18.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	18.000.000	18.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.000.000	18.000.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.000.000	18.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.000.000	18.000.000
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/Cổ phiếu		

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu cung cấp nước sạch	24.739.051.283	24.839.161.116
Doanh thu lắp đặt cải tạo hệ thống nước	3.120.649.076	4.260.478.133
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư ngành nước	47.574.021	91.267.989
<b>Cộng</b>	<b>27.907.274.380</b>	<b>29.190.907.238</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	19.421.853.760	19.029.629.056
Giá vốn lắp đặt cải tạo hệ thống nước	2.111.966.424	2.912.141.136
Giá vốn bán hàng hóa, vật tư ngành nước	28.617.255	57.915.868
<b>Cộng</b>	<b>21.562.437.439</b>	<b>21.999.686.060</b>

*Trong đó, giá vốn phát sinh từ giao dịch với bên liên quan:*

Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	5.921.213.984	5.620.212.514
-------------------------------------------	---------------	---------------

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	557.724.595	733.657.381

*Trong đó, doanh thu tài chính phát sinh từ giao dịch với bên liên quan:*

Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	217.385.530	201.625.452
-------------------------------------------	-------------	-------------

**4. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí nhân viên	1.791.737.970	1.987.043.900
Chi phí khấu hao tài sản cố định	98.278.380	98.278.380
Chi phí bằng tiền khác	231.370.386	219.087.826
<b>Cộng</b>	<b>2.121.386.736</b>	<b>2.304.410.106</b>

**5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.690.727.695	2.002.835.801
Chi phí đồ dùng văn phòng	38.446.965	12.483.799
Chi phí khấu hao tài sản cố định	208.443.762	455.341.478
Thuế, phí và lệ phí	6.464.000	8.562.992
(Hoàn nhập)/trích lập chi phí dự phòng	(1.466.736)	(8.348.241)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	257.971.887	266.648.880
Chi phí bằng tiền khác	244.795.171	181.517.353
<b>Cộng</b>	<b>2.445.382.744</b>	<b>2.919.042.062</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**6. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Thu nhập từ hỗ trợ di dời hệ thống cấp nước sinh hoạt thuộc dự án chỉnh trang đô thị thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	846.434.545	1.775.092.800
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại	224.900.467	248.391.608
Các khoản thu nhập khác	24.000	10.911.093
<b>Cộng</b>	<b>1.071.359.012</b>	<b>2.034.395.501</b>

**7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>3.402.295.032</b>	<b>4.729.644.805</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	209.542.093	108.387.025
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>3.611.837.125</b>	<b>4.838.031.830</b>
Lỗi tính thuế mang sang	-	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>3.611.837.125</b>	<b>4.838.031.830</b>
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	722.367.425	967.606.365
Thuế TNDN các năm trước bổ sung	1.045.940	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>723.413.365</b>	<b>967.606.365</b>

**8. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.678.881.667	3.762.038.440
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.678.881.667	3.762.038.440
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	18.000.000	18.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>149</b>	<b>209</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**VII. THÔNG TIN KHÁC****1. DANH SÁCH VÀ NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn  
 Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku

Công ty mẹ  
 Công ty trong cùng tập đoàn

Ngoài các số dư và giao dịch đã được trình bày tại các thuyết minh khác trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
<b>Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku</b>		
Lãi cho vay nhập gốc	218.218.523	202.748.792

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ:**

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
-----------	---------	----------------------------------------	----------------------------------------

**Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Ngọc Tiến	Chủ tịch	30.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Ông Châu Ngọc Trọng	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Ông Lê Văn Nam	Thành viên	18.000.000	-
Ông Nguyễn Đình Vinh	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Chủ tịch (miễn nhiệm chức danh Chủ tịch ngày 23 tháng 6 năm 2020)	-	30.000.000
Ông Vũ Hoành Thiên	Thành viên (miễn nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2020)	-	18.000.000
<b>Cộng</b>		<b>102.000.000</b>	<b>102.000.000</b>

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban kiểm soát	12.000.000	-
Ông Lê Huy Hoàng	Thành viên	12.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Quỳnh	Thành viên	12.000.000	12.000.000
Bà Hồ Thị Xuân	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2020)	-	12.000.000
Bà Trịnh Thị Thanh Hà	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2020)	-	12.000.000
<b>Cộng</b>		<b>36.000.000</b>	<b>36.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**1. DANH SÁCH VÀ NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ:

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
		đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
		VND	VND
Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc	183.200.000	213.100.000
Nguyễn Đình Vinh	Phó Tổng Giám đốc	123.200.000	143.100.000
Phạm Xuân Hào	Phó Tổng Giám đốc	123.200.000	143.100.000
<b>Cộng</b>		<b>429.600.000</b>	<b>499.300.000</b>

**2. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán và báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được soát xét.

**3. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Trương Thị Thành  
Người lập biểu



Vũ Hoàn Thiên  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2021